

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DS-PT
Ngày 10 - 9 - 2019
V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán
tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tài Sử

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thuyền và ông Lê Quốc Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Trí là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Dương Phúc Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đăk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 61/2019/TLPT-DS ngày 26 tháng 7 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 30-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 69/2019/QĐ-PT ngày 22-8-2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Y; trụ sở: Số X, Quốc lộ Y, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Y - Chức vụ: Giám đốc; địa chỉ: Số X, Quốc lộ Y, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn Mạc T; địa chỉ: Số Z, Quốc lộ K, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền ngày 24-4-2019) - Có đơn đề nghị xét xử mặt.

2. Bị đơn: Ông Vàng A C và bà Giàng Thị P; địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đăk Nông (bà Giàng Thị P ủy quyền cho ông Vàng A C - Văn bản ủy quyền ngày 04-3-2019) - Có mặt.

3. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Vàng A C: Bà Nguyễn Thị Xuân và ông Y Lam là Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đăk Nông - Ông Lam có mặt, bà Xuân có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Giàng A P; địa chỉ: Thôn R, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông - Có mặt.

5. Người làm chứng: Bà Lê Thị Th; địa chỉ: Số X, Quốc lộ Y, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

6. Người kháng cáo: Ông Vàng A C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện, đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện hợp pháp của nguyên đơn (ông Trần Văn Y và ông Lê Văn Mạc T) trình bày: Năm 2017, Doanh nghiệp Tư nhân Y (hiện nay là Công ty TNHH MTV Y, gọi tắt là Công ty) tổ chức hội thảo giới thiệu sản phẩm phân bón của Công ty làm từ phân heo (phân hữu cơ vi sinh) trên địa bàn xã Đ, huyện Đ. Sau buổi hội thảo người mua đăng ký số lượng cần mua thông qua người của Công ty và trưởng thôn là ông Giàng A P, giá bán là 3.900.000 đồng/tấn, Công ty cho người dân trả chậm đến ngày 25-12-2017 (dương lịch) và thanh toán tiền cho Công ty thông qua ông Giàng A P, quá thời hạn trên người dân không trả phải chịu lãi 1,5%/tháng. Ông Vàng A C và bà Giàng Thị P mua 06 tạ phân bón, đã nhận phân bón nhưng chưa thanh toán. Vì vậy, Công ty yêu cầu ông Vàng A C, bà Giàng Thị P phải thanh toán 2.743.650 đồng (trong đó: 2.340.000 đồng tiền mua phân bón và 403.650 đồng tiền lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng tính từ ngày 26-12-2017 đến ngày 06-12-2018).

Ngoài ra, giữa Công ty và ông Giàng A P có thỏa thuận miệng với nhau về việc ông Giàng A P có trách nhiệm giao phân bón cho người dân và thu tiền khi đến hạn, thì Công ty sẽ trả cho ông Giàng A P 300.000 đồng/tấn bán được. Nhưng do ông Giàng A P chưa thu được tiền nên Công ty không trả. Công ty yêu cầu ông Giàng A P chịu trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền ông Vàng A C, bà Giàng Thị P còn nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Vàng A C cũng là người đại diện theo ủy quyền của bà Giàng Thị P trình bày: Ông thừa nhận gia đình có mua của Công ty Y 06 tạ phân bón, loại phân hữu cơ được xử lý từ phân heo với giá là 3.900.000 đồng/tạ, đã nhận đủ 06 tạ phân bón nhưng chưa thanh toán tiền cho Công ty. Sau khi mua phân bón thấy phân bón các hộ khác sử dụng cho cây trồng bị chết nên không sử dụng và cất ở nhà. Nay, Công ty khởi kiện yêu cầu trả tiền ông không đồng ý vì phân bón kém chất lượng và ông đề nghị trả lại phân bón cho Công ty. Về tiền lãi, do Công ty không đến thu tiền theo thỏa thuận nên ông không đồng ý trả tiền lãi. Ông Giàng A P không liên quan đến 06 tạ phân bón gia đình ông mua của Công ty, ông Giàng A P chỉ là người dẫn nhân viên của Công ty đến từng nhà để họ giao phân bón. Hiện

nay, các hộ dân trên địa bàn xã Đ, huyện Đ đã làm đơn tố cáo tập thể đối với chất lượng phân bón của Công ty, nếu sau này chứng minh được phân bón không đảm bảo chất lượng thì ông sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ là ông Vàng A P trình bày: Năm 2017, Công ty có tổ chức hội thảo tại hội trường thôn R, xã Đ, huyện Đ giới thiệu phân bón vi sinh làm từ phân heo. Sau buổi hội thảo Công ty cho người dân đăng ký mua phân bón và cam kết sẽ giao tận nhà cho họ và cho nợ tiền đến ngày 25-12-2017. Ông Vàng A C, bà Giàng Thị P trực tiếp đăng ký mua phân bón với Công ty; giữa ông và Công ty có thỏa thuận miệng với nhau về việc ông đi cùng nhân viên của Công ty khi giao phân bón và thu tiền, Công ty hứa trả cho ông 300.000đồng/tấn bán được nhưng ông chưa nhận khoản tiền nào. Khi giao phân bón, nhân viên của Công ty đưa cho ông mẫu đơn xin mua phân bón trả chậm kèm giấy cam kết trả nợ và yêu cầu ông ghi tên, số lượng phân bón của từng người đã nhận và cùng ký tên với người mua. Sau khi giao hết 20 tấn phân bón, phía Công ty yêu cầu ông ký tên vào hợp đồng kèm phiếu giao nhận hàng hóa đề ngày 23-5-2017; các lần tiếp theo cũng thực hiện tương tự cho đến khi giao hết 70 tấn phân bón, trong đó ông Vàng A C, bà Giàng Thị P mua 06 tạ phân bón. Từ khi giao phân bón cho đến nay Công ty không đến thu tiền; ngày 27-9-2017 người của Công ty có đưa cho ông ký tên một biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ và ông đã ký; ông không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì đối với số lượng 06 tạ phân bón mà ông Vàng A C, bà Giàng Thị P đã mua. Vì vậy, ông không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới thanh toán đối với số phân bón ông Vàng A C, bà Giàng Thị P còn nợ Công ty.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 30-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Glông, quyết định: Áp dụng Điều 117; Điều 398; Điều 430; Điều 440; Điều 453; khoản 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Y: Buộc ông Vàng A C, bà Giàng Thị P phải thanh toán cho Công ty 2.340.000đ (*Hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền mua phân bón. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với 403.650đ (*Bốn trăm linh ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Toà án cấp sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10-6-2019, ông Vàng A C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng không chấp nhận việc ông phải trả cho Công ty Y số tiền mua phân bón là 2.340.000 đồng vì phân bón của Công ty Y bán ra thị trường không đảm bảo chất lượng, không đóng gói, trên bao bì không thể hiện tên sản phẩm, nhãn mác hàng hóa, xuất xứ hàng hóa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử vắng mặt nguyên đơn. Bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm cần xem xét đánh giá tính chất của vụ án để giảm một phần trách nhiệm nghĩa vụ thanh toán của ông Vàng A C đối với Công ty Y và miễn giảm án phí cho ông Vàng A C do ông Vàng A C là người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông trình bày ý kiến:

Về phần thủ tục: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 30-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Vàng A C trong thời hạn luật định, ông Vàng A C đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét thấy: Hợp đồng mua bán phân bón giữa Công ty TNHH MTV Y (gọi tắt là Công ty Y) và ông Vàng A C, bà Giàng Thị P được lập bằng văn bản, nội dung hợp đồng đảm bảo theo đúng quy định tại Điều 398 và Điều 430 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại thời điểm bán phân bón, Công ty Y có quyền sở hữu đối với tài sản và không thuộc trường hợp bị cấm chuyển quyền, cấm lưu hành. Thỏa thuận giữa Công ty và ông Vàng A C, bà Giàng Thị P là tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên hợp pháp, đủ điều kiện có hiệu lực theo quy định của pháp luật, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên theo quy định tại Điều 117 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, xét thấy: Các bên đều thừa nhận các nội thể hiện trong Hợp đồng mua bán kèm phiếu giao nhận ngày 24-5-2017. Theo đó, ông Vàng A C, bà Giàng Thị P đã kiểm tra và nhận đủ 06 tạ phân bón của

Công ty Y giao mà không có ý kiến gì; trong quá trình giải quyết vụ án ông Vàng A C, bà Giàng Thị P trình bày, sau khi mua phân bón của Công ty Y thấy phân bón các hộ khác sử dụng cho cây trồng bị chết nên không sử dụng và cất ở nhà. Sau đó, ông, bà đã có phản ánh với Công ty Y nhưng ông, bà không được Công ty Y giải quyết, tuy nhiên ông, bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện có phản ánh với Công ty Y và chứng minh thiệt hại do sử dụng phân bón của Công ty Y gây thiệt hại cho cây trồng.

Mặc khác, kết quả phân tích mẫu phân bón thể hiện: Sản phẩm phân bón có khả năng cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng và hàm lượng kim loại nặng không ảnh hưởng đến môi trường. Kết luận về chất lượng phân bón của Doanh nghiệp tư nhân Y đã được Thanh tra Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh L xác nhận.

Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Vàng A C.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Vàng A C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên ông Vàng A C là người đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án nên ông Vàng A C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận phần kháng cáo của ông Vàng A C, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 18/2019/DS-ST ngày 30-5-2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

1. Áp dụng Điều 117; Điều 398; Điều 430; Điều 440; Điều 453; khoản 2 Điều 357; Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Y: Buộc ông Vàng A C, bà Giàng Thị P phải thanh toán cho Công ty 2.340.000đ (*Hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền mua phân bón. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty đối với 403.650đ (*Bốn trăm linh ba nghìn sáu trăm năm mươi đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí phúc thẩm: Ông Vàng A C được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- TAND huyện Đắk Glong;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Tài Sử